TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 205/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 460/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998;

- Bị đơn: Anh Hà Tuấn A, sinh năm 1994;

Cùng HKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/8/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/8/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đước xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Hà Tuấn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Hà Tuấn A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Hà Tuấn A có 01 con chung là cháu Hà Tuấn Anh D, sinh ngày 24/7/2018, hiện nay đang ở với chị L. Chị L và anh A thỏa thuận:

+ Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Tuấn A D từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

+ Anh A cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

+ Anh Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị L và anh A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh A không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định này thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị L và anh Hà Tuấn A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L và anh Hà Tuấn A thỏa thuận: Chị L chịu cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng, được đối trừ vào khoản tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000508 ngày 23/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tống Trân (*ĐKKH số 20/2017 ngày 17/3/2017*);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương